

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 32 ( Ca 2, Phòng F303 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001241	Lê Hoài Tâm	07/01/1995	Long An	HH13A	115	150	265
001242	Nguyễn Minh Tâm	04/08/1995	Long An	KD13A	155	155	310
001243	Nguyễn Chí Tâm	19/11/1995	Đồng Nai	KT13B	170	260	430
001244	Lê Thị Thanh Tâm	/ /1994	Trà Vinh	KT13D	140	235	375
001245	Ngô Nhật Minh Tâm	18/04/1995	Đồng Nai	MT13B			
001246	Đoàn Văn Tâm	16/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13B	115	110	225
001247	Nguyễn Thành Tân	17/09/1995	An Giang	CG13B			
001248	Nguyễn Trọng Tân	22/03/1995	Phú Yên	CG13B	115	150	265
001249	Nguyễn Văn Tân	07/06/1994	Đắk Lắk	CG13B	165	170	335
001250	Thân Đình Tân	10/02/1995	Bình Định	CG13E	140	210	350
001251	Ngô Xuân Tân	10/11/1995	Nghệ An	CG13G	110	155	265
001252	Nguyễn Duy Tân	01/10/1995	Tây Ninh	CK13A	140	170	310
001253	Trương Quang Tân	05/03/1994	Quảng Ngãi	CK13B	95	115	210
001254	Đào Đình Tân	20/08/1993	Lâm Đồng	CN13	115	185	300
001255	Nguyễn Duy Tân	15/05/1995	Bình Thuận	CN13	160	135	295
001256	Phan Huỳnh Tân	23/01/1995	An Giang	CX13A	145	80	225
001257	Mai Ngọc Tân	04/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13D	135	145	280
001258	Lê Minh Tân	10/06/1995	Bình Định	HH13A	115	155	270
001259	Nguyễn Văn Tân	24/05/1995	Bình Định	HH13B	145	175	320
001260	Trần Nhật Tân	10/01/1995	Bình Phước	KD13B	120	135	255
001261	Nguyễn Minh Tân	07/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13A			
001262	Nguyễn Minh Tân	14/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	200	310	510
001263	Trần Minh Tân	02/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A			
001264	Trương Vũ Tân	23/04/1995	Khánh Hòa	VT13A	135	135	270
001265	La Duy Tân	25/01/1995	Bình Định	VT13B	125	170	295
001266	Lê Minh Tân	13/09/1994	Đắk Lắk	CG13H	145	120	265
001267	Lê Trần Quang Tân	21/04/1995	Bình Thuận	CN13	170	125	295
001268	Nguyễn Thanh Tân	21/02/1995	Long An	HH13B	135	130	265
001269	Ngô Nguyễn Trọng Tân	25/01/1995	Đắk Lắk	KD13D	150	150	300
001270	Đoàn Quốc Tàu	10/10/1995	Bình Định	VT13B	120	135	255
001271	Nguyễn Thành Tây	07/07/1995	Bình Định	CK13D	155	110	265
001272	Nguyễn Trường Tây	07/11/1994	Khánh Hòa	CX13A	145	90	235
001273	Hồ Ngọc Phương Tây	06/11/1995	Lâm Đồng	KD13B	140	185	325

001274	Huỳnh Ngọc	Thạch	20/02/1995	Bình Thuận	CG13D	120	145	265
001275	Lê Việt	Thạch	26/07/1992	Quảng Nam	CN13	155	80	235
001276	Mai Hắc	Thạch	01/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13A	170	160	330
001277	Phạm Thị Cẩm	Thạch	21/07/1995	Lâm Đồng	KT13B	120	175	295
001278	Nguyễn Đình	Thái	25/02/1995	Bình Định	CK13B	105	140	245
001279	Nguyễn Văn	Thái	18/05/1995	Phú Yên	CN13	245	150	395
001280	Phạm Bá	Thái	01/02/1995	Gia Lai	CN13	170	115	285



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 33 ( Ca 2, Phòng F401 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001281	Nguyễn Thanh Thái	07/02/1995	Bình Thuận	CX13A	150	170	320
001282	Vũ Quốc Thái	06/09/1995	Bình Phước	CX13B			
001283	Nguyễn Trọng Thái	21/02/1995	Đắk Lắk	KD13E	150	210	360
001284	Phạm Minh Thái	23/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	KD13G	255	325	580
001285	Lê Hoàng Thái	10/10/1995	Bến Tre	KQ13B	75	145	220
001286	Trương Văn Thái	12/11/1995	Đồng Nai	KQ13B	120	150	270
001287	Phạm Quang Thái	12/09/1995	Quảng Nam	QL13A	180	140	320
001288	Nguyễn Khắc Thái	03/07/1995	Đồng Nai	VT13B	80	100	180
001289	Hoàng Phạm Đức Thái	24/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13D	180	305	485
001290	Huỳnh Đức Thái	20/10/1994	Phú Yên	VT13D	105	65	170
001291	Nguyễn Thị Thắm	02/03/1995	Phú Yên	KQ13B	140	100	240
001292	Nguyễn Thị Thắm	05/09/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	135	70	205
001293	Nguyễn Thị Thắm	17/05/1995	Nam Định	KQ13D	120	110	230
001294	Nguyễn Nữ Hoàng Thắm	05/05/1995	Bình Định	QL13B	105	180	285
001295	Đặng Thị Minh Thắm	20/01/1995	Bình Định	QL13A	300	270	570
001296	Nguyễn Văn Thân	16/02/1995	Bình Định	CG13G	115	180	295
001297	Nguyễn Hoàng Thân	09/03/1995	Long An	KQ13A	180	155	335
001298	Nguyễn Đức Thân	28/03/1995	Bình Định	QL13B	190	110	300
001299	Nguyễn Toàn Thắng	10/01/1995	Đồng Nai	CG13D	115	90	205
001300	Nguyễn Ngọc Thắng	08/09/1994	Nghệ An	CG13E	120	125	245
001301	Võ Bảo Thắng	12/04/1994	Bình Định	CN13	135	180	315
001302	Phan Văn Thắng	17/08/1995	Bình Phước	CX13D	110	110	220
001303	Huỳnh Công Thắng	03/07/1994	Bình Thuận	KD13B	115	100	215
001304	Nguyễn Đức Thắng	15/02/1994	Đắk Lắk	KD13E	90	110	200
001305	Trần Hữu Thắng	08/12/1994	Thanh Hóa	KQ13B	170	170	340
001306	Lê Minh Quốc Thắng	22/12/1995	Đồng Nai	KQ13D	230	255	485
001307	Nguyễn Quốc Thắng	09/08/1995	Bình Dương	KT13B	180	230	410
001308	Trần Đình Thắng	07/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	145	170	315
001309	Lê Văn Thắng	25/09/1995	Thừa Thiên -Huế	VT13B	115	55	170
001310	Nguyễn Duy Thanh	10/04/1995	Long An	CG13A	155	155	310
001311	Nguyễn Hải Thanh	01/05/1989	Hà Tĩnh	CG13D	120	70	190
001312	Trần Minh Thanh	16/08/1995	Tây Ninh	CG13D	185	110	295
001313	Nguyễn Văn Thanh	12/09/1995	Quảng Ngãi	CG13E	75	125	200

001314	Trương Hoài	Thanh	06/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	125	80	205
001315	Đào Quang	Thanh	11/08/1995	Thanh Hóa	HH13B	75	120	195
001316	Hồ Chí	Thanh	11/04/1995	Bến Tre	KD13D	145	115	260
001317	Nguyễn Duy	Thanh	19/07/1995	Bình Phước	KQ13D	125	65	190
001318	Lưu Đức	Thanh	26/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	375	380	755
001319	Đỗ Thị Lệ	Thanh	08/01/1995	Khánh Hòa	QL13B	150	120	270
001320	Trần Thị Trang	Thanh	29/08/1995	Đồng Nai	QL13B			



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 34 ( Ca 2, Phòng F403 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001321	Triệu Chí Thành	28/02/1994	Bến Tre	CG13A	315	275	590
001322	Hoàng Xuân Thành	09/10/1995	Thừa Thiên -Huế	CG13E	165	175	340
001323	Lê Công Thành	19/09/1995	Long An	CK13A			
001324	Võ Đại Thành	26/12/1995	Khánh Hòa	CK13A	85	145	230
001325	Nguyễn Văn Thành	23/06/1995	Đắk Lắk	CK13D			
001326	Phan Ngọc Thành	16/06/1995	Quảng Nam	CX13A	100	60	160
001327	Nguyễn Đức Thành	08/11/1995	Tây Ninh	CX13B	135	130	265
001328	Nguyễn Nhật Thành	22/06/1995	Quảng Ngãi	CX13B	220	210	430
001329	Nguyễn Chí Thành	01/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	220	270	490
001330	Trần Vĩnh Thành	03/08/1995	Tiền Giang	CX13E	195	100	295
001331	Bùi Hữu Thành	26/04/1995	Bình Định	HH13A	185	140	325
001332	Mạc Tấn Thành	26/06/1995	Bình Định	HH13B	170	170	340
001333	Nguyễn Văn Thành	01/01/1995	Nghệ An	KD13D	90	100	190
001334	Nguyễn Trung Thành	12/01/1995	Bình Phước	KQ13B	170	150	320
001335	Trần Duy Thành	01/01/1995	Khánh Hòa	KT13A	170	210	380
001336	Lê Đình Thành	27/04/1995	Bình Thuận	MT13B	105	140	245
001337	Nguyễn Minh Thành	23/08/1995	Tiền Giang	MT13B	125	160	285
001338	Trần Trung Thành	01/04/1992	Nam Định	MT13B			
001339	Lê Công Thành	26/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13B	165	200	365
001340	Huỳnh Hữu Thành	22/01/1995	Phú Yên	CG13E	140	150	290
001341	Nguyễn Đình Thành	11/03/1995	Kon Tum	CG13E	160	170	330
001342	Thái Vàng Thành	12/05/1995	Bình Định	KD13B	160	150	310
001343	Lê Thị Xuân Thành	01/01/1994	Đắk Lắk	KQ13B	145	115	260
001344	Nguyễn Thị Thành	06/12/1994	Ninh Thuận	CG13A	90	140	230
001345	Nguyễn Văn Thành	16/11/1994	Quảng Ngãi	CG13G	90	110	200
001346	Nguyễn Thuận Thành	17/02/1995	Đồng Tháp	CG13H			
001347	Nguyễn Minh Thành	01/05/1995	Gia Lai	CK13D	180	125	305
001348	Lê Văn Thành	25/03/1995	Kon Tum	CX13A	140	185	325
001349	Đỗ Thị Như Thành	13/08/1995	Đồng Nai	KD13A	190	180	370
001350	Đỗ Huỳnh Như Thành	03/11/1994	Bạc Liêu	KQ13A	125	120	245
001351	Trần Thị Thu Thành	27/09/1995	Ninh Thuận	KQ13A	145	155	300
001352	Nguyễn Phương Thành	30/07/1993	Hà Nam	KQ13D	115	160	275
001353	Vũ Lê Minh Thành	13/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	200	155	355

001354	Bùi Thu	Thảo	12/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	225	185	410
001355	Đinh Thị Phương	Thảo	12/03/1995	Nam Định	KT13B	150	80	230
001356	Lê Thanh	Thảo	18/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	150	250	400
001357	Nguyễn Thị Lan	Thảo	01/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	100	175	275
001358	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	260	295	555
001359	Phạm Thu	Thảo	08/08/1995	Đắk Lắk	QL13A	245	120	365
001360	Hồ Văn	Thêm	27/06/1993	Đắk Lắk	CX13E	135	115	250

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 35 ( Ca 3, Phòng B007 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001361	Đoàn Thị Thủ Thêm	20/10/1995	Đồng Tháp	KD13E	120	130	250
001362	Nguyễn Văn Thi	16/04/1995	Bình Định	CG13E	90	90	180
001363	Phạm Chánh Thi	10/09/1995	Bình Định	CG13E	80	125	205
001364	Nguyễn Đào Thi	25/10/1995	Gia Lai	CG13H	195	155	350
001365	Đình Văn Thi	28/08/1995	Phú Yên	CX13A	165	115	280
001366	Lê Minh Thi	13/10/1995	Đắk Lắk	CX13B	135	130	265
001367	Trần Huỳnh Thi	01/12/1995	Tiền Giang	CX13D	170	120	290
001368	Nguyễn Thị Mỹ Thi	19/02/1995	Phú Yên	KQ13A	155	200	355
001369	Trần Thị Trọng Thi	30/12/1995	Bình Định	KT13A	160	180	340
001370	Nguyễn Vân Thi	10/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	435	305	740
001371	Nguyễn Thị Kim Thi	17/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	135	150	285
001372	Lưu Văn Thi	11/12/1995	Quảng Ngãi	VT13B			
001373	Quảng Đình Thi	10/10/1995	Quảng Ngãi	VT13D	80	145	225
001374	Võ Văn Thi	12/10/1995	Bình Thuận	CG13A	120	145	265
001375	Lê Nguyễn Thanh Thiên	30/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13B	140	130	270
001376	Lê Mỹ Thiên	13/01/1995	Quảng Ngãi	CG13E	160	80	240
001377	Hồ Phước Thiên	11/03/1995	Lâm Đồng	HH13B	190	155	345
001378	Lê Văn Thiên	27/05/1995	Phú Yên	KD13G	165	120	285
001379	Lê Đình Thiện	20/05/1995	Gia Lai	CG13A	140	115	255
001380	Bùi Lê Phú Thiện	12/10/1995	Quảng Ngãi	CG13D	165	160	325
001381	Nguyễn Thanh Thiện	22/10/1995	Phú Yên	CG13D			
001382	Hà Minh Thiện	10/11/1995	Tây Ninh	CN13	85	100	185
001383	Lê Minh Thiện	07/02/1994	Long An	CX13D	140	125	265
001384	Nguyễn Văn Thiện	17/01/1995	Khánh Hòa	CX13D	170	130	300
001385	Lê Khắc Thiện	20/08/1994	Quảng Ngãi	KD13A	200	160	360
001386	Đặng Thiện	03/05/1994	Hà Tĩnh	KQ13D	115	75	190
001387	Phạm Văn Thiện	20/08/1995	Thanh Hóa	KT13D	135	50	185
001388	Trần Phước Thiện	10/10/1995	Đồng Tháp	KT13D	140	195	335
001389	Hoàng Xuân Thiệp	01/01/1995	Bình Thuận	CG13E	185	125	310
001390	Nguyễn Văn Thiệt	02/05/1995	Bình Định	KD13E	125	135	260
001391	Dương Quốc Thiệu	21/06/1995	Bình Phước	HH13B	95	80	175
001392	Mai Đức Thiệu	20/01/1993	Đắk Lắk	CN13	160	125	285
001393	Khổng Hữu Thịnh	27/09/1995	Bến Tre	CG13A	160	90	250

001394	Võ Phú	Thịnh	27/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13D	255	180	435
001395	Nguyễn Toàn	Thịnh	08/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13A	200	220	420
001396	Nguyễn Công	Thịnh	21/09/1995	Bến Tre	CK13D	125	120	245
001397	Bùi Văn	Thịnh	26/07/1995	Đắk Lắk	CX13B	140	125	265
001398	Tạ Phú	Thịnh	16/11/1995	Tiền Giang	HH13A	155	110	265
001399	Nguyễn Đăng	Thịnh	16/03/1995	Nghệ An	KD13B	110	90	200
001400	Lý Tuấn	Thịnh	06/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13D	320	235	555

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 36 ( Ca 3, Phòng B110 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001401	Nguyễn Phước Thịnh	10/08/1995	Đồng Tháp	KD13D	110	95	205
001402	Lê Hữu Hoàng	10/01/1995	Đồng Nai	KQ13B	190	140	330
001403	Trần Phúc	05/10/1995	Bình Định	KQ13B	115	155	270
001404	Văn Huỳnh Phát	20/08/1995	Tây Ninh	MT13A	125	115	240
001405	Hồ Thái	03/05/1995	Gia Lai	VT13A	100	95	195
001406	Nguyễn Đức	09/05/1995	Khánh Hòa	VT13B	125	120	245
001407	Nguyễn Hữu Hoàng	11/01/1992	Lâm Đồng	CG13D	110	100	210
001408	Trịnh Đức	03/09/1995	Bình Định	CN13	145	140	285
001409	Nguyễn Minh	20/03/1995	Khánh Hòa	CX13D	115	150	265
001410	Trịnh Thanh	23/02/1995	Đồng Nai	CX13E	85	155	240
001411	Lê Thị Kim	17/12/1995	An Giang	QL13B	180	80	260
001412	Phan Hoàng Kim	04/08/1995	Quảng Ngãi	QL13B			
001413	Nguyễn Văn	10/03/1995	Đắk Lắk	CG13E	95	110	205
001414	Lê Hoàng	19/01/1995	Vĩnh Long	KD13A	160	120	280
001415	Võ Mạnh	17/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13B	200	145	345
001416	Nguyễn Hữu	15/01/1995	Gia Lai	CG13G	190	150	340
001417	Đặng Cảnh	01/11/1995	Bình Định	CK13B	75	70	145
001418	Nguyễn Thành	01/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13B	160	130	290
001419	Châu Thành	12/01/1995	Bình Định	KD13B	145	130	275
001420	Nguyễn Tấn	16/08/1994	Bình Dương	KD13E	135	115	250
001421	Nguyễn Quyền	10/07/1995	Đồng Nai	KD13G	275	120	395
001422	Nguyễn Lê Trọng	19/08/1995	Phú Yên	VT13D	115	65	180
001423	Trần Văn	16/05/1995	Bình Định	CG13E	160	150	310
001424	Lâm Hoàn	01/09/1995	Gia Lai	KD13B	180	120	300
001425	Trần Quốc	01/01/1995	Bình Định	KD13G	150	150	300
001426	Nguyễn Thành	10/08/1995	Ninh Thuận	CX13A	110	110	220
001427	Võ Thị Hoài	16/02/1995	Quảng Ngãi	KD13A	150	115	265
001428	Huỳnh Thị Anh	14/06/1995	Đồng Tháp	KQ13D	230	225	455
001429	Nguyễn Thị Anh	06/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	145	220	365
001430	Nguyễn Hữu Hoàng	17/04/1995	Tiền Giang	KD13D	150	140	290
001431	Trần Đức	31/08/1995	Tiền Giang	CG13E	145	180	325
001432	Nguyễn Hữu	21/10/1995	Nghệ An	CG13D	180	110	290
001433	Nguyễn Ngọc	10/12/1994	Quảng Bình	CK13A	105	70	175

001434	Nguyễn Văn Thuận	Thuận	16/06/1994	Nam Định	HH13B			
001435	Lê Nguyễn Bảo	Thuận	26/07/1995	Bình Thuận	KQ13A	110	95	205
001436	Nguyễn Thị Thanh	Thuận	25/05/1995	Tây Ninh	KQ13B	140	60	200
001437	Ngô Trí	Thức	07/08/1995	Ninh Thuận	CX13A	165	125	290
001438	Nguyễn Văn	Thức	05/07/1994	Hà Nam	CX13D	150	170	320
001439	Trần Anh	Thức	21/02/1995	Đồng Nai	HH13A	140	185	325
001440	Nguyễn Đặng	Thức	25/08/1994	0	KD13A	240	135	375

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 37 ( Ca 3, Phòng B108 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm	
001441	Hà Hoài	Thương	04/12/1995	Vĩnh Long	HH13A	145	185	330
001442	Phạm Đức	Thương	05/10/1995	Quảng Ngãi	KD13B	160	70	230
001443	Lê Hoài	Thương	22/02/1995	Khánh Hòa	KQ13A	135	160	295
001444	Phạm Thế	Thương	08/11/1995	Thanh Hóa	KQ13D	140	100	240
001445	Nguyễn Thị Cẩm	Thương	22/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	195	235	430
001446	Bùi Thị Thương	Thương	02/03/1995	Bình Thuận	KT13B	185	80	265
001447	Nguyễn Hoài	Thương	20/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	220	120	340
001448	Phạm Văn	Thương	20/08/1995	Quảng Bình	KD13A	135	135	270
001449	Đặng Quốc	Thương	20/01/1995	Bình Dương	CX13D	145	145	290
001450	Nguyễn Hoàng	Thương	23/01/1995	Quảng Ngãi	KD13G	145	130	275
001451	Lê Thị Thanh	Thủy	12/09/1995	Quảng Ngãi	QL13B	155	135	290
001452	Phan Thị Kim	Thủy	12/07/1995	Bình Định	CN13	100	135	235
001453	Trần Thị Ngọc	Thủy	03/01/1995	Hà Tĩnh	KQ13D	180	125	305
001454	Hà Nguyễn Thị Kim	Thủy	04/11/1995	Long An	KT13D	255	280	535
001455	Lại Thị Thu	Thủy	25/06/1995	Đồng Nai	KQ13B	165	210	375
001456	Phạm Thị	Thủy	02/02/1995	Nghệ An	KQ13D	125	130	255
001457	Nguyễn Thị Minh	Thủy	21/11/1995	Kiên Giang	QL13A	235	275	510
001458	Ngô Trần Thu	Thủy	05/03/1995	Bình Thuận	CX13A	110	155	265
001459	Lư Văn Công	Thủy		Bình Thuận	CX13E			
001460	Tăng Duy	Thủy	05/01/1995	Ninh Thuận	KT13A	180	170	350
001461	Trần Ngọc	Tiên	20/04/1995	Bình Định	KD13B	95	115	210
001462	Phạm Thị Thuý	Tiên	19/11/1995	Đồng Tháp	KQ13B	165	115	280
001463	Phan Thị Mỹ	Tiên	15/09/1995	Quảng Ngãi	QL13B	195	160	355
001464	Nguyễn Ngọc	Tiên	15/09/1995	Đắk Lắk	CG13B	160	100	260
001465	Trần Hữu	Tiên	31/05/1991	Gia Lai	CG13B	105	125	230
001466	Lâm Quốc	Tiên	08/03/1994	Đắk Lắk	CG13D	180	125	305
001467	Lê Văn	Tiên	24/02/1995	Quảng Ngãi	CG13D	125	120	245
001468	Vũ Trần	Tiên	10/06/1994	Nam Định	CG13G	135	80	215
001469	Nguyễn Văn	Tiên	16/08/1994	Lâm Đồng	CG13H	165	95	260
001470	Hồ Sỹ	Tiên	19/09/1995	Đắk Nông	CK13A	115	100	215
001471	Cao Xuân	Tiên	10/10/1995	Đắk Lắk	CK13B	150	110	260
001472	Phạm	Tiên	04/11/1995	Bình Định	CX13A	125	155	280
001473	Phan Minh	Tiên	17/11/1995	Bến Tre	CX13A	140	130	270

001474	Phan Nhật	Tiến	31/05/1995	Bình Phước	CX13A	120	180	300
001475	Trang Quốc	Tiến	11/10/1995	Trà Vinh	CX13A	95	150	245
001476	Nguyễn Quang	Tiến	19/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	125	95	220
001477	Lê Minh	Tiến	03/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13B	230	140	370
001478	Dương Hoàng	Tiến	29/07/1992	Tiền Giang	KD13E	195	140	335
001479	Trần Thị	Tiến	21/02/1995	Bến Tre	KQ13D	155	125	280
001480	Hoàng Văn	Tiến	28/06/1995	Thanh Hóa	MT13B	210	125	335

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 38 ( Ca 3, Phòng B207 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001481	Nguyễn Thanh Tiến	24/09/1995	Quảng Nam	MT13B			
001482	Dương Quang Tiến	17/12/1995	Đà Nẵng	QL13A	150	135	285
001483	Phạm Xuân Tiến	20/08/1995	Nghệ An	QL13B	155	115	270
001484	Đặng Hưng Trường	13/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13	105	75	180
001485	Mang Văn Tiến	22/03/1995	Long An	CX13B	85	95	180
001486	Võ Dương Tiến	15/10/1995	Tây Ninh	CK13D	210	110	320
001487	Nguyễn Xuân Tiệp	05/11/1995	Bình Định	KD13B	165	115	280
001488	Nguyễn Đình Tiếp	12/01/1995	Nghệ An	MT13B	195	140	335
001489	Hoàng Đình Tiếp	18/05/1995	Thái Bình	MT13B	160	120	280
001490	Huỳnh Khắc Tín	04/03/1995	Đồng Tháp	CG13A	70	130	200
001491	Nguyễn Thành Tín	09/01/1995	Phú Yên	CG13B	140	120	260
001492	Huỳnh Trung Tín	12/10/1995	An Giang	CG13D	155	110	265
001493	Đặng Quốc Tín	26/07/1995	Bình Định	CG13G	145	120	265
001494	Nguyễn Trung Tín	14/04/1995	Long An	CK13A	155	115	270
001495	Bùi Trọng Tín	22/07/1995	Bình Định	CX13D	190	145	335
001496	Tô Trọng Tín	01/01/1995	Quảng Ngãi	KD13B	110	125	235
001497	Nguyễn Đức Tín	24/09/1995	Quảng Ngãi	KD13E			
001498	Phạm Văn Tín	10/06/1995	Bình Định	VT13B	140	70	210
001499	Nguyễn Hữu Tín	21/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13D	190	225	415
001500	Nguyễn Văn Tính	08/11/1995	Quảng Ngãi	CG13D	160	115	275
001501	Phạm Thương Tính	15/06/1995	Bạc Liêu	HH13A	190	130	320
001502	Nguyễn Đức Tính	22/12/1995	Bình Định	KD13B	135	90	225
001503	Phạm Văn Tính	04/08/1995	Kon Tum	KD13E	105	115	220
001504	Đỗ Văn Tính	20/10/1995	Thanh Hóa	KQ13D	155	150	305
001505	Vương Văn Tính	10/04/1994	Nghệ An	CG13G	125	115	240
001506	Hồ Hữu Tính	06/06/1995	Hà Tĩnh	HH13B			
001507	Phạm Văn Tính	08/09/1994	Thanh Hóa	KD13A	185	90	275
001508	Chu Thị Tính	17/02/1995	Hung Yên	QL13A	170	115	285
001509	Nguyễn An Tính	21/02/1995	Bình Định	CG13E	150	150	300
001510	Lê Văn Tính	16/01/1995	Bình Định	CG13G	220	130	350
001511	Mai Văn Tính	20/07/1995	Gia Lai	CK13D	110	65	175
001512	Phạm Tính	06/08/1994	Quảng Bình	KD13G	110	65	175
001513	Ngô Hoàng Tính	20/05/1994	Quảng Ngãi	CG13H	120	90	210

001514	Huỳnh Văn	Toán	20/12/1995	Phú Yên	KD13D	185	90	275
001515	Lê Đình	Toàn	20/08/1995	Đắk Lắk	CG13A	125	140	265
001516	Nguyễn Chí	Toàn	30/03/1993	Bình Định	CG13A	125	50	175
001517	Nguyễn Trung	Toàn	05/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13D	115	135	250
001518	Chinh Ngọc	Toàn	13/11/1995	Lâm Đồng	CG13E	275	125	400
001519	Hoàng Minh	Toàn	27/11/1995	Hà Nam	CK13D	185	115	300
001520	Đặng Ngọc	Toàn	27/11/1995	Bình Định	CX13B	160	155	315



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

Phòng thi: 39 ( Ca 3, Phòng B209 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001521	Lê Quốc Toàn	14/11/1995	Phú Yên	CX13B	170	125	295
001522	Võ Quốc Toàn	23/06/1995	Bình Định	CX13B	105	95	200
001523	Nguyễn Minh Toàn	07/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	120	140	260
001524	Trương Anh Toàn	16/09/1995	Cà Mau	HH13A			
001525	Nguyễn Khánh Toàn	15/02/1995	Thanh Hóa	KD13D	190	110	300
001526	Trần Thanh Toàn	15/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	KD13G			
001527	Bùi Văn Toàn	22/05/1994	Phú Yên	KQ13D	150	65	215
001528	Ngô Trọng Toàn	12/04/1995	Khánh Hòa	KT13B	245	300	545
001529	Võ Đức Toàn	16/10/1995	Bình Định	MT13A	185	160	345
001530	Thiệu Văn Toàn	07/05/1995	Thanh Hóa	VT13B			
001531	Nguyễn Văn Tới	03/05/1995	Nghệ An	CG13E	190	235	425
001532	Nguyễn Thanh Trà	06/03/1995	Tiền Giang	CG13A	150	185	335
001533	Nguyễn Thanh Trà	03/05/1995	Đồng Tháp	KQ13D	185	130	315
001534	Ngô Đức Trâm	28/09/1995	Thừa Thiên -Huế	HH13B	150	130	280
001535	Trần Thùy Trâm	08/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13A	70	155	225
001536	Trần Thị Vàng Trâm	06/02/1995	Khánh Hòa	KQ13B	100	110	210
001537	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	25/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	195	185	380
001538	Võ Thị Thúy Trâm	20/01/1995	Phú Yên	KQ13A	110	115	225
001539	Trần Bảo Trân	18/06/1995	Bình Định	QL13B	165	195	360
001540	Hoàng Văn Trang	05/05/1994	Nghệ An	CG13E	105	100	205
001541	Võ Thị Thùy Trang	11/05/1995	Đồng Tháp	KD13E	160	145	305
001542	Bùi Thị Thùy Trang	15/11/1995	Đắk Lắk	KQ13B	145	180	325
001543	Dương Thị Thùy Trang	24/08/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	165	140	305
001544	Lê Thị Huyền Trang	09/02/1995	Đà Nẵng	KQ13B			
001545	Trần Thị Thùy Trang	04/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13B	190	155	345
001546	Vũ Huyền Trang	21/08/1995	Hải Phòng	KT13A	95	130	225
001547	Mai Thiên Trang	16/06/1995	Tiền Giang	KT13B	160	130	290
001548	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/05/1995	Lâm Đồng	KT13B	170	140	310
001549	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/05/1995	Hải Phòng	KT13D	415	370	785
001550	Lê Thừa Trang	30/08/1995	Thừa Thiên -Huế	MT13B	230	310	540
001551	Trần Thanh Thảo Trang	16/11/1995	Tiền Giang	QL13B	220	140	360
001552	Nguyễn Văn Trang	02/12/1993	Hải Dương	VT13D	140	125	265
001553	Võ Đức Trí	20/02/1995	Đồng Tháp	VT13D	135	150	285
001554	Nguyễn Võ Minh Trí	13/08/1995	Khánh Hòa	CG13B			

001555	Nguyễn Hữu Trí	27/06/1995	Khánh Hòa	CG13G	230	270	500
001556	Phạm Toàn Trí	13/10/1994	Quảng Ngãi	CK13A	125	100	225
001557	Dương Cao Trí	18/11/1995	Quảng Nam	CK13D	230	120	350
001558	Bùi Đức Minh Trí	01/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13A	190	180	370
001559	Đỗ Minh Trí	03/02/1995	Tiền Giang	CX13D	140	210	350
001560	Huỳnh Ngọc Cửu Trí	04/04/1994	Quảng Nam	CX13E	115	75	190



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 40 ( Ca 3, Phòng F301 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001561	Dương Hữu Trí	08/09/1995	Bình Định	HH13A	195	185	380
001562	Hồ Văn Trí	12/04/1995	Đắk Lắk	KQ13A	90	145	235
001563	Lê Trọng Minh Trí	08/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13A	230	175	405
001564	Trần Minh Trí	25/10/1995	Đồng Nai	KT13B	170	185	355
001565	Hà Minh Trí	25/07/1995	Đồng Tháp	MT13B	125	140	265
001566	Hàn Minh Trí	29/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13A			
001567	Huỳnh Minh Trí	13/10/1995	Vĩnh Long	CK13A	115	75	190
001568	Chu Đậu Hải Triều	05/10/1995	Nghệ An	CG13G	120	120	240
001569	Nguyễn Vũ Hoàng Triều	28/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13B	185	120	305
001570	Trịnh Minh Triều	18/02/1995	Bình Định	CK13B	135	135	270
001571	Trần Hoàng Triều	15/05/1995	Long An	KD13B	170	115	285
001572	Đỗ Thị Thu Trinh	23/12/1995	Đồng Nai	KQ13D	170	220	390
001573	Tiêu Viết Trinh	18/01/1995	Quảng Ngãi	MT13A	110	50	160
001574	Lý Thanh Trong	20/03/1994	Bạc Liêu	CX13B			
001575	Bùi Minh Trọng	16/01/1995	Bình Phước	CG13E	70	120	190
001576	Nguyễn Bảo Trọng	05/07/1995	Đồng Nai	CG13G	155	175	330
001577	Nguyễn Đỗ Trọng	14/11/1995	Đồng Tháp	CG13G	115	170	285
001578	Trần Đức Trọng	08/03/1995	Thái Bình	CG13H	145	120	265
001579	Huỳnh Xuân Trọng	04/04/1994	Bình Định	CN13	105	95	200
001580	Nguyễn Minh Trọng	07/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13B	180	130	310
001581	Nguyễn Văn Trọng	03/05/1994	Bình Định	KD13G	140	145	285
001582	Phạm Hữu Trọng	06/11/1995	Tiền Giang	MT13B	125	125	250
001583	Nguyễn Xuân Trúc	28/12/1991	Hà Tĩnh	KD13D	125	130	255
001584	Ngô Minh Trúc	31/05/1995	Phú Yên	KQ13A	200	110	310
001585	Châu Anh Trúc	12/10/1995	Phú Yên	KT13A	195	140	335
001586	Nguyễn Mai Thanh Trúc	20/10/1995	Đồng Nai	KT13A			
001587	Trần Thị Thanh Trúc	29/08/1995	Bình Định	QL13B	145	225	370
001588	Phan Trung Trục	12/11/1995	An Giang	KD13E	185	155	340
001589	Lê Đức Tuệ Trung	29/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13A	155	130	285
001590	Phạm Anh Trung	16/11/1995	Long An	CG13A	200	145	345
001591	Nguyễn Đình Trung	01/07/1995	Bình Thuận	CG13D	105	55	160
001592	Nguyễn Ngọc Trung	12/02/1995	Đắk Lắk	CG13D	140	90	230
001593	Hoàng Đình Trung	19/08/1995	Đồng Nai	CK13A	210	225	435

001594	Nguyễn Quang	Trung	21/03/1995	Gia Lai	CK13A	180	155	335
001595	Nguyễn Thành	Trung	08/04/1995	Khánh Hòa	CX13A	125	70	195
001596	Lê Phạm Hoài	Trung	28/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13B	220	225	445
001597	Nguyễn Thành	Trung	22/11/1994	Tây Ninh	CX13D	135	120	255
001598	Nguyễn Văn	Trung	18/04/1995	Quảng Ngãi	CX13D	145	130	275
001599	Trần	Trung	02/03/1992	Quảng Ngãi	CX13E	70	65	135
001600	Mai Quốc	Trung	16/01/1995	Tiền Giang	KD13E	160	115	275

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

Phòng thi: 41 ( Ca 3, Phòng F303 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001601	Nguyễn Văn Trung	01/05/1995	Bạc Liêu	KQ13A	155	110	265
001602	Lê Thành Trung	16/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	220	180	400
001603	Nguyễn Thành Trung	28/07/1995	Đồng Nai	KT13D	155	135	290
001604	Trần Minh Trung	31/08/1995	Tây Ninh	VT13B	140	130	270
001605	Trịnh Xuân Trường	14/06/1995	Đắk Lắk	CG13A	150	125	275
001606	Đặng Xuân Trường	12/06/1995	Lâm Đồng	CG13E	195	140	335
001607	Hồ Vĩnh Trường	24/07/1995	Nghệ An	CK13B	125	100	225
001608	Nguyễn Nhật Trường	17/04/1995	Tiền Giang	CK13B	105	125	230
001609	Nguyễn Thanh Trường	03/01/1995	Bình Thuận	CX13A	135	145	280
001610	Lê Nhật Trường	20/04/1995	Vĩnh Long	CX13B	160	110	270
001611	Cù Đức Trường	11/12/1995	Bình Phước	CX13D	155	60	215
001612	Nguyễn Thị Ngọc Trường	02/04/1995	Kon Tum	KD13D	145	140	285
001613	Hoàng Xuân Trường	29/03/1995	Lâm Đồng	KQ13D	120	130	250
001614	Ngô Quan Trường	30/09/1995	Khánh Hòa	MT13B			
001615	Trần Xuân Trường	14/01/1995	Thái Bình	MT13B	140	120	260
001616	Trần Nhật Trường	22/10/1995	Quảng Nam	VT13D	180	200	380
001617	Nguyễn Tài Trường	06/11/1995	Quảng Ngãi	CG13G	110	80	190
001618	Hoàng Truyền	28/01/1995	Thừa Thiên -Huế	KT13B	235	210	445
001619	Nguyễn Ngọc Tú	18/07/1994	Quảng Nam	CG13A	145	90	235
001620	Hoàng Việt Tú	03/02/1995	Bình Phước	CG13G	115	95	210
001621	Nguyễn Anh Tú	06/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	210	225	435
001622	Lê Xuân Tú	18/07/1994	Đồng Nai	CG13H	145	110	255
001623	Nguyễn Thành Tú	26/08/1995	Bình Định	CK13B	110	110	220
001624	Nguyễn Trần Tú	05/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CN13	135	100	235
001625	Phạm Anh Tú	18/02/1995	Bình Phước	CX13B	135	90	225
001626	Lê Xuân Tú	18/08/1994	Thanh Hóa	CX13E	145	90	235
001627	Trần Quốc Tú	15/10/1995	Đồng Nai	CX13E	145	110	255
001628	Hồ Thanh Tú	25/02/1995	Long An	KD13A	155	110	265
001629	Trần Anh Tú	16/09/1995	Bình Định	KD13A	145	120	265
001630	Nguyễn Anh Tú	27/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13D	150	170	320
001631	Võ Đào Anh Tú	12/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13A	345	290	635
001632	Châu Anh Tú	14/01/1994	Phú Yên	MT13B			
001633	Lê Duy Tú	12/08/1995	Tiền Giang	VT13A	125	140	265
001634	Phan Công Quốc Tú	01/01/1994	Khánh Hòa	VT13A	140	145	285

001635	Nguyễn Hữu	Tứ	20/11/1995	Bình Định	KD13B	105	110	215
001636	Huỳnh Công	Tuân	20/02/1994	Bình Định	KQ13D	155	100	255
001637	Cô Minh	Tuấn	19/01/1995	Bình Thuận	CG13A	95	140	235
001638	Phan	Tuấn	04/02/1995	Bình Định	CG13E	155	140	295
001639	Phạm Ngọc	Tuấn	23/06/1995	Lâm Đồng	CG13G	115	95	210
001640	Phạm Nguyễn Hoàng	Tuấn	11/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	170	155	325



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 42 ( Ca 3, Phòng F401 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001641	Nguyễn Văn Tuấn	05/06/1994	Hung Yên	CG13H	105	110	215
001642	Nguyễn Việt Tuấn	20/03/1994	Đắk Lắk	CG13H	95	100	195
001643	Trần Anh Tuấn	25/09/1995	Nghệ An	CK13A			
001644	Đào Anh Tuấn	20/06/1995	Hà Tĩnh	CK13D	160	110	270
001645	Phan Thanh Tuấn	25/10/1995	Thái Bình	CN13	200	155	355
001646	Bùi Anh Tuấn	25/05/1995	Quảng Ngãi	CX13A			
001647	Lê Thanh Tuấn	12/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	195	220	415
001648	Trần Anh Tuấn	06/09/1995	Hà Tĩnh	CX13D	180	80	260
001649	K Tuấn	27/03/1994	Lâm Đồng	HH13B	160	110	270
001650	Lê Công Tuấn	28/10/1995	Tây Ninh	KD13E	115	140	255
001651	Hà Duy Tuấn	29/07/1995	Quảng Ngãi	KD13G	155	100	255
001652	Nguyễn Hữu Tuấn	16/07/1995	Quảng Ngãi	KD13G	120	110	230
001653	Võ Huỳnh Minh Tuấn	30/01/1993	Khánh Hòa	KQ13A	155	140	295
001654	Phan Minh Tuấn	14/04/1995	Đắk Lắk	KQ13D	110	75	185
001655	Nguyễn Quốc Tuấn	26/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	245	180	425
001656	Lê Huỳnh Ngọc Tuấn	07/03/1995	Đồng Tháp	KT13D	150	130	280
001657	Phạm Thanh Tuấn	18/05/1995	Thái Bình	KT13D	135	120	255
001658	Lê Anh Tuấn	02/02/1995	Đồng Nai	MT13A	190	150	340
001659	Nguyễn Quốc Tuấn	16/03/1995	Cần Thơ	QL13A	155	295	450
001660	Nguyễn Quốc Tuấn	24/02/1995	Tiền Giang	QL13A	150	135	285
001661	Nguyễn Văn Tuấn	02/04/1995	Khánh Hòa	QL13A	235	330	565
001662	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	15/05/1995	Đắk Lắk	VT13A	165	100	265
001663	Vũ Anh Tuấn	10/09/1991	Gia Lai	VT13A	100	95	195
001664	Mai Thanh Tùng	20/04/1995	Đắk Lắk	CG13B	135	135	270
001665	Lê Thanh Tùng	08/02/1991	Thanh Hóa	CG13E	200	235	435
001666	Lê Quang Tùng	16/05/1995	Long An	CK13A	145	130	275
001667	Phan Duy Tùng	03/03/1995	Quảng Ngãi	CK13A	110	95	205
001668	Nguyễn Thanh Tùng	02/05/1995	Bình Định	CX13A			
001669	Lê Sỹ Tùng	04/07/1995	Thanh Hóa	CX13B			
001670	Nguyễn Thanh Tùng	07/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13B	195	195	390
001671	Nguyễn Thanh Tùng	24/09/1995	Đắk Lắk	CX13D	155	90	245
001672	Hồ Sĩ Tùng	03/04/1995	Thanh Hóa	HH13A			
001673	Trịnh Công Hoàng Tùng	23/06/1995	Vĩnh Phúc	HH13B	190	140	330

001674	Phạm Khắc	Tùng	20/02/1995	Đắk Lắk	KD13A	155	170	325
001675	Nguyễn Văn	Tùng	11/02/1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13B	115	100	215
001676	Phạm Nhật	Tùng	13/10/1995	Đắk Lắk	KQ13A	165	115	280
001677	Nguyễn Thanh	Tùng	09/04/1995	Đồng Nai	KQ13D	120	100	220
001678	Nguyễn Tú Duy	Tùng	27/11/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	180	130	310
001679	Nguyễn Sơn	Tùng	23/12/1995	Hải Dương	VT13D	400	330	730
001680	Nguyễn Văn	Tường	19/11/1995	Quảng Nam	CX13E	120	145	265



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 43 ( Ca 3, Phòng B003 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001681	Huỳnh Ngọc Tường	28/03/1995	Quảng Ngãi	VT13B	115	130	245
001682	Nguyễn Tấn Tường	20/01/1995	Đắk Lắk	VT13D	160	180	340
001683	Mai Quốc Tường	22/07/1994	Nam Định	CX13D	245	150	395
001684	Phan Tất Tường	01/06/1995	Hà Tĩnh	KD13B	125	115	240
001685	Lưu Văn Tuyên	30/10/1995	Hải Phòng	CG13G	170	125	295
001686	Trần Minh Tuyên	05/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13G	125	135	260
001687	Đoàn Thị Tuyết	10/09/1995	Hà Tĩnh	KT13A	180	120	300
001688	Phạm Văn Tý	02/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	165	130	295
001689	Man Huỳnh Đức Uy	11/12/1995	Khánh Hòa	KT13B	230	210	440
001690	Đặng Thị Tú Uyên	15/05/1995	Hà Tĩnh	CG13D	105	120	225
001691	Trần Lê Thanh Uyên	26/06/1995	Lâm Đồng	KT13A	210	285	495
001692	Lê Thị Phương Uyên	05/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A			
001693	Lê Thị Thục Uyên	05/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B			
001694	Hồ Công Văn	08/11/1994	Đồng Tháp	CG13G			
001695	Phạm Diệu Văn	08/01/1995	Bình Định	QL13A	180	135	315
001696	Trần Thanh Văn	23/03/1995	Quảng Nam	VT13A			
001697	Nguyễn Trần Văn	12/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	CG13A			
001698	Nguyễn Công Văn	22/03/1995	Đắk Lắk	CX13D	115	155	270
001699	Bùi Lê Văn	25/04/1995	Bình Định	KQ13A	145	130	275
001700	Nguyễn Đình Văn	15/03/1995	Đắk Lắk	KQ13D	145	100	245
001701	Nguyễn Như Văn	26/12/1995	Bình Định	KT13D	185	130	315
001702	Tôn Long Văn	26/02/1995	Quảng Ngãi	CX13B	145	115	260
001703	Nguyễn Trọng Vang	15/11/1995	Thanh Hóa	CX13E			
001704	Đỗ Ngọc Lan Vi	04/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	295	225	520
001705	Phan Thị Tường Vi	28/03/1995	Khánh Hòa	VT13B	155	130	285
001706	Lương Triệu Vĩ	10/01/1995	Quảng Nam	KD13A	115	120	235
001707	Võ Xuân Vĩ	21/06/1995	Quảng Ngãi	KD13E	155	70	225
001708	Nguyễn Xuân Viên	10/10/1995	Quảng Nam	CX13D	125	75	200
001709	Lê Anh Viên	16/08/1995	Quảng Ngãi	VT13D	170	100	270
001710	Lê Quốc Tuấn Viễn	22/10/1995	Quảng Nam	CX13D	155	80	235
001711	Nguyễn Quốc Việt	02/08/1995	Nghệ An	CG13H	195	125	320
001712	Hồ Đắc Việt	02/06/1993	Lâm Đồng	CK13A	100	100	200
001713	Nguyễn Đình Việt	16/10/1995	Đắk Lắk	CK13A	190	125	315

001714	Nguyễn Phi	Việt	10/11/1995	Phú Yên	KD13B	115	75	190
001715	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	20/12/1995	Đắk Lắk	KD13D	210	205	415
001716	Lê Hoàng	Việt	30/09/1995	Khánh Hòa	KD13E	170	130	300
001717	Tô Thị	Việt	20/10/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	145	90	235
001718	Huỳnh Quốc	Việt	18/02/1995	Bến Tre	KT13D	195	150	345
001719	Phan Văn	Việt	10/03/1995	Hà Nam	MT13B	125	130	255
001720	Trương Hoàng	Việt	25/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13B	145	175	320

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 44 ( Ca 3, Phòng B001 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001721	Nguyễn Thái Vinh	28/07/1995	Bình Thuận	CG13B	125	155	280
001722	Huỳnh Gia Vinh	01/01/1994	Bình Dương	CK13B	180	150	330
001723	Huỳnh Tấn Vinh	01/01/1995	Quảng Ngãi	CX13A	155	145	300
001724	Lê Thanh Vinh	30/08/1995	Đồng Nai	CX13D	165	95	260
001725	Võ Quảng Vinh	09/03/1995	Khánh Hòa	CX13E	150	135	285
001726	Vũ Quang Vinh	15/07/1995	Đồng Nai	CX13E	120	55	175
001727	Huỳnh Khánh Vinh	21/04/1995	Bình Định	HH13B	200	125	325
001728	Phạm Quang Vinh	03/08/1995	Đồng Nai	KD13B	150	120	270
001729	Trần Phúc Vinh	09/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	230	170	400
001730	Nguyễn Phước Vinh	10/01/1994	Quảng Nam	KQ13A	140	110	250
001731	Huỳnh Quang Vinh	06/02/1995	Bến Tre	QL13B	140	145	285
001732	Đậu Thế Bảo Vinh	23/12/1994	Lâm Đồng	VT13B	235	115	350
001733	Lê Hoàng Vinh	22/06/1995	Ninh Thuận	VT13D	165	220	385
001734	Lương Ngô Văn Vinh	10/01/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13D	140	125	265
001735	Phạm Thế Vinh	29/10/1984	Gia Lai	VT13D	105	90	195
001736	Trương Thúy Vinh	07/12/1995	Phú Yên	KQ13A	145	115	260
001737	Đào Xuân Vinh	05/05/1995	Đồng Tháp	CX13E	230	200	430
001738	Lê Hồ Anh Vũ	16/01/1995	Long An	CG13A	125	150	275
001739	Nguyễn Hoàng Vũ	26/03/1995	Long An	CG13A	105	145	250
001740	Phan Uy Vũ	18/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13A	395	180	575
001741	Trần Văn Vũ	10/01/1995	Đắk Lắk	CG13A	380	170	550
001742	Nguyễn Huy Vũ	22/01/1995	Tiền Giang	CG13D	255	180	435
001743	Phan Thanh Vũ	27/03/1995	Tây Ninh	CG13D	170	140	310
001744	Nguyễn Huy Vũ	08/09/1994	Bình Thuận	CG13E	165	210	375
001745	Lê Việt Hoàn Vũ	19/12/1994	Đà Nẵng	CN13	140	80	220
001746	Lê Xuân Vũ	10/01/1994	Bình Định	CX13A	185	150	335
001747	Nguyễn Hoàng Huy Vũ	05/11/1995	Long An	CX13A	150	125	275
001748	Lê Hoàng Vũ	30/08/1995	Đồng Nai	KQ13B	190	195	385
001749	Võ Quốc Vũ	27/01/1995	Phú Yên	KQ13B	160	150	310
001750	Nguyễn Hoàng Vũ	07/12/1995	Gia Lai	KT13B	155	100	255
001751	Trịnh Minh Vũ	13/02/1995	Bến Tre	KT13B	185	125	310
001752	Phan Vũng	25/10/1995	Quảng Ngãi	CG13D	105	80	185
001753	Tổng Quốc Vương	01/07/1995	An Giang	CG13D	200	145	345

001754	Trần Đình Vương	22/08/1995	Quảng Trị	CG13G	125	115	240
001755	Trần Ngọc Vương	10/12/1994	Bình Thuận	CX13A	150	155	305
001756	Lê Trung Vương	08/12/1995	Bình Thuận	KD13A	135	130	265
001757	Nguyễn Hoàng Thanh Vương	28/08/1995	Bình Thuận	QL13A	185	200	385
001758	Phan Thế Vương	22/02/1995	Bình Phước	QL13B	160	130	290
001759	Lê Minh Vương	28/05/1994	Quảng Bình	VT13A			
001760	Nguyễn Đức Vương	17/02/1994	Ninh Bình	CG13E	165	160	325



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 45 ( Ca 3, Phòng B106 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001761	Nguyễn Thị Thúy Vy	21/09/1995	Đồng Nai	QL13A	255	250	505
001762	Đinh Vũ Tường Vy	05/02/1995	Quảng Ngãi	QL13B	145	115	260
001763	Huỳnh Tấn Vỹ	09/07/1995	Bình Định	CN13	165	95	260
001764	Lê Trung Vỹ	29/09/1995	Đồng Nai	KD13B			
001765	Trần Văn Xuân	01/12/1995	Tiền Giang	CG13A	180	160	340
001766	Hồ Thị Thanh Xuân	14/09/1995	Bình Thuận	CG13B	170	175	345
001767	Lê Hoàng Xuân	04/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13D	135	140	275
001768	Nguyễn Thái Xuân	06/06/1995	Bình Định	KD13G	150	95	245
001769	Nguyễn Tân Mạnh Xuân	12/09/1993	Kon Tum	VT13D	190	110	300
001770	Nguyễn Trọng ý	28/12/1995	Đồng Tháp	CG13B	210	220	430
001771	Nguyễn Như ý	05/08/1995	Bình Định	CK13A			
001772	Phạm Văn ý	02/02/1995	Quảng Ngãi	CX13E			
001773	Đinh Thị Ngọc ý	14/11/1995	Gia Lai	KQ13A	145	110	255
001774	Đặng Thị Thanh ý	04/05/1995	Bình Định	KT13B	230	255	485
001775	Trần Thị Hải Yên	18/03/1995	Hà Tĩnh	KQ13A	135	125	260
001776	Hoàng Thị Yên	23/07/1995	Nam Định	KQ13D	150	130	280
001777	Đặng Thị Hải Yên	01/06/1995	Nghệ An	QL13B	120	100	220
001778	Võ Thị Yên	12/02/1995	Nghệ An	QL13B			
001779	Phú Trường An	17/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13C1	220	170	390
001780	Hồ Nhật Anh	15/02/1995	Bình Định	CK13C1	115	110	225
001781	Nguyễn Tiến Bằng	28/01/1994	Đắk Lắk	CK13C2	160	150	310
001782	Hoàng Quốc Bảo	18/08/1995	Đồng Nai	CN13C			
001783	Nguyễn Sĩ Bình	17/09/1995	Thái Bình	HH13C	170	115	285
001784	Nguyễn Văn Chiến	10/05/1995	Gia Lai	CN13C	125	115	240
001785	Trần Thiện Chí Công	25/09/1995	Long An	HH13C	155	90	245
001786	Hồ Ngọc Cường	12/11/1994	Đắk Lắk	CK13C2	135	80	215
001787	Hà Mạnh Cường	10/02/1994	Đắk Lắk	CN13C			
001788	Nguyễn Văn Cường	11/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13C	135	130	265
001789	Nguyễn Mạnh Cường	05/06/1995	Bắc Ninh	KT13C2	180	130	310
001790	Lê Văn Dục	19/07/1995	Quảng Trị	HH13C			
001791	Nguyễn Kế Đài	06/03/1995	Đồng Nai	HH13C	100	90	190
001792	Nguyễn Danh	21/09/1995	Bình Định	CK13C2	75	75	150
001793	Lưu Công Danh	04/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13C1	420	390	810

001794	Trần Thị	Đào	28/12/1995	Bình Định	KT13C1	185	130	315
001795	Vũ Mạnh	Đạt	01/07/1995	Hà Nội	CN13C	150	95	245
001796	Nguyễn Tấn	Đạt	10/02/1995	Bình Thuận	HH13C	200	160	360
001797	Phan Đình	Đạt	05/05/1994	Kon Tum	HH13C	185	95	280
001798	Lê Minh	Đạt	16/03/1995	Long An	MT13C	165	60	225
001799	Nguyễn Duy	Đô	10/11/1995	Quảng Ngãi	KT13C2	150	135	285
001800	Nguyễn Duy	Đức	09/06/1995	Lâm Đồng	KT13C1			



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 46 ( Ca 3, Phòng B104 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001801	Đỗ Trịnh Thuỳ Dung	10/01/1995	Quảng Ngãi	KT13C1	185	125	310
001802	Phạm Thuỳ Dung	20/11/1995	Bình Định	KT13C1	135	150	285
001803	Nguyễn Thị Bích Dung	27/10/1995	Bình Thuận	KT13C2	100	115	215
001804	Bùi Thị Dung	26/09/1993	Hà Nội	KT13C2			
001805	Đình Tiên Dũng	28/03/1994	Đắk Lắk	CK13C1	120	75	195
001806	Lê Văn Dũng	21/05/1994	Thừa Thiên-Huế	CK13C1	135	100	235
001807	Lê Thanh Duy	10/03/1995	Quảng Ngãi	CK13C1	195	100	295
001808	Huỳnh Anh Duy	07/10/1994	Bình Thuận	CK13C2	185	125	310
001809	Nguyễn Khắc Duy	22/02/1995	Bình Thuận	CN13C	145	155	300
001810	Nguyễn Thị Thanh Duyên	05/02/1995	Hà Nội	KT13C1	95	150	245
001811	Nguyễn Thị Giang	25/11/1995	Bình Định	CN13C	145	125	270
001812	Nguyễn Văn Giao	20/11/1995	Bình Định	CK13C1	115	70	185
001813	Lê Thị Thu Hà	10/02/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1	105	140	245
001814	Nguyễn Thị Thanh Hà	16/04/1995	Hà Tĩnh	KT13C1	115	80	195
001815	Đặng Hoàng Minh Hải	23/10/1995	Đồng Nai	HH13C	170	205	375
001816	Dương Thị Hằng	16/04/1994	Hà Tĩnh	KT13C1	115	120	235
001817	Nguyễn Thị Hằng	20/05/1995	Đồng Nai	KT13C1	150	140	290
001818	Lê Thị Phương Hằng	10/10/1995	Bình Thuận	KT13C2	140	115	255
001819	Phạm Thị út Hằng	15/09/1995	Quảng Ngãi	KT13C2	125	120	245
001820	Lê Thị Hồng Hạnh	21/11/1994	Quảng Ngãi	KT13C1	170	110	280
001821	Lê Ngọc Hạnh	22/07/1994	Thanh Hóa	KT13C2	95	80	175
001822	Lương Văn Hào	20/09/1994	Đắk Lắk	CK13C1	190	130	320
001823	Đình Nguyễn Hào	03/06/1991	Đồng Nai	HH13C	150	95	245
001824	Bùi Trung Hậu	20/12/1995	Đắk Nông	CK13C1	110	90	200
001825	Nguyễn Văn Hậu	09/09/1995	Tiền Giang	HH13C	140	80	220
001826	Nguyễn Trung Hiền	25/07/1995	Long An	CK13C2	145	55	200
001827	Nguyễn Trung Hiếu	07/04/1995	Long An	CK13C1	140	115	255
001828	Chu Thanh Hiếu	29/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	CK13C2	190	120	310
001829	Từ Huy Hiếu	28/08/1995	Đắk Lắk	CN13C	110	115	225
001830	Nguyễn Trung Hiếu	24/02/1995	Tiền Giang	KT13C2			
001831	Trần Công Hiệu	02/06/1995	Bình Định	CK13C1	150	100	250
001832	Tạ Như Hoàng	26/04/1995	Đắk Lắk	CK13C1	135	115	250
001833	Trần Bảo Hoàng	04/09/1995	Hà Tĩnh	CK13C1	170	90	260

001834	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/1995	Đồng Nai	CN13C	125	145	270
001835	Bùi Thị	Hồng	01/09/1993	Lâm Đồng	KT13C1	110	125	235
001836	Nguyễn Thị	Hồng	19/06/1995	Hà Nội	KT13C1	135	120	255
001837	Phạm Minh	Hồng	04/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	KT13C1	145	155	300
001838	Nguyễn Tất	Hợp	25/03/1993	Sóc Trăng	CK13C2	120	130	250
001839	Hoàng Thị Thanh	Huệ	26/04/1995	Đồng Nai	KT13C1	135	125	260
001840	Đặng Vũ Minh	Hùng	22/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13C2	145	155	300



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 47 ( Ca 3, Phòng B102 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001841	Phan Văn Hùng	20/02/1992	Hà Tĩnh	HH13C	95	110	205
001842	Phan Đình Hùng	28/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1	155	135	290
001843	Trương Thị Thu Hương	29/12/1995	Bình Định	KT13C1	145	95	240
001844	Hoàng Thị Lan Hương	09/07/1995	Thanh Hóa	KT13C2			
001845	Nguyễn Thị Lan Hương	23/02/1995	Bình Định	KT13C2	110	155	265
001846	Hoàng Thị Hương	03/04/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1			
001847	Hà Nguyễn Ngọc Hữu	22/12/1995	Bình Định	CK13C1	110	60	170
001848	Ngô Văn Huy	05/10/1995	Quảng Ngãi	HH13C	140	55	195
001849	Nguyễn Đình Huy	23/11/1995	Đồng Nai	HH13C	105	125	230
001850	Nguyễn Thị Huyền	05/08/1995	Đồng Nai	CN13C	135	80	215
001851	Vũ Thị Ngọc Huyền	05/10/1995	Thái Bình	KT13C1	170	145	315
001852	Nguyễn Hoàng Kha	21/12/1995	Tiền Giang	CK13C1			
001853	Lê Trung Khanh	14/11/1994	Bình Định	CN13C	150	95	245
001854	Nguyễn Quang Khánh	02/11/1995	Thanh Hóa	HH13C			
001855	Trần Hoàng Anh Khoa	25/09/1995	Bình Thuận	CK13C1	185	200	385
001856	Nguyễn Bá Lê Khoa	30/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13C	140	125	265
001857	Trần Nguyễn Phương Khuê	20/07/1995	Hà Tĩnh	KT13C1	135	155	290
001858	Nguyễn Tiến Khuê	23/04/1993	Hà Tĩnh	KT13C2	110	130	240
001859	Nguyễn Thanh Lâm	15/10/1995	Bình Định	KT13C2	195	95	290
001860	Trần Ngọc Lâm	05/12/1995	Thái Nguyên	MT13C	150	120	270
001861	Nguyễn Thanh Linh	19/04/1994	Bình Phước	CK13C2			
001862	Nguyễn Thành Lộc	24/07/1995	Khánh Hòa	CK13C2	145	110	255
001863	Nguyễn Phúc Lộc	09/07/1992	Lâm Đồng	CN13C	335	280	615
001864	Nguyễn Quang Lộc	24/07/1993	Bình Định	KT13C1	135	90	225
001865	Nguyễn Hữu Lợi	29/02/1994	Long An	HH13C			
001866	Hoàng Quốc Long	15/01/1995	Quảng Trị	HH13C	95	125	220
001867	Đỗ Thanh Luân	17/06/1993	Tp. Hồ Chí Minh	CN13C	230	230	460
001868	Lưu Khoa Luân	20/07/1995	Kiên Giang	HH13C	165	135	300
001869	Nguyễn Trần Khả Luân	14/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1			
001870	Nguyễn Văn Thành Luận	26/07/1995	Gia Lai	CK13C1			
001871	Dương Tấn Lực	19/04/1995	Long An	CK13C2	115	95	210
001872	Nguyễn Thị Lương	13/09/1993	Bình Định	CN13C	120	110	230
001873	Đào Thị Mẫn	12/02/1995	Bình Định	KT13C1	120	140	260

001874	Phạm Đức	Mạnh	14/08/1995	Nam Định	KT13C2	155	135	290
001875	Nguyễn Mi	Mi	11/10/1995	Đồng Nai	KT13C1	135	110	245
001876	Huỳnh Ngọc	Minh	12/02/1995	Quảng Ngãi	CK13C1	150	130	280
001877	Đỗ Đình	Minh	18/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13C	110	150	260
001878	Nguyễn Thị Tiểu	My	15/08/1995	Bến Tre	KT13C1	95	115	210
001879	Nguyễn Văn	Mỹ	30/09/1995	Thừa Thiên -Huế	CK13C2	120	115	235
001880	Trương Thế	Mỹ	26/12/1995	Bình Định	CN13C	120	130	250
001881	Nguyễn Hoài	Nam	20/05/1995	Đắk Lắk	CK13C1	150	120	270
001882	Nguyễn Thành	Nam	10/02/1995	Sông Bé	HH13C	115	135	250
001883	Trần Đăng	Nam	11/04/1993	Đắk Lắk	KT13C1			



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 48 ( Ca 3, Phòng B205 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001884	Phạm Thị Nga	07/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1	90	100	190
001885	Phạm Thị Thu Ngân	01/08/1995	Lâm Đồng	KT13C1	180	120	300
001886	Ngô Trọng Nghĩa	22/06/1994	Thừa Thiên -Huế	CK13C1	195	135	330
001887	Nguyễn Bảo Ngọc	25/08/1993	Bến Tre	HH13C	260	220	480
001888	Tăng Trọng Nguyên	/ /1994	Cà Mau	CK13C2			
001889	Phạm Thái Nguyên	28/02/1995	Tây Ninh	HH13C	100	130	230
001890	Nguyễn Thanh Nhân	24/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13C2	150	145	295
001891	Nguyễn Trọng Nhân	02/03/1995	Trà Vinh	CK13C1			
001892	Nguyễn Hồ Nhân	11/07/1994	Bình Thuận	CK13C2	115	145	260
001893	Lê Đình Nhân	11/11/1995	Lâm Đồng	CN13C	120	140	260
001894	Nguyễn Văn Nhật	15/07/1995	Đắk Lắk	CK13C2	110	115	225
001895	Trương Minh Nhật	07/11/1995	Tiền Giang	CN13C	145	75	220
001896	Võ Nhật	03/03/1994	Quảng Ngãi	CN13C			
001897	Huỳnh Y Nhật	20/08/1995	Bình Định	KT13C1	110	60	170
001898	La Thị Nhi	16/06/1995	Quảng Ngãi	KT13C1	140	130	270
001899	Lê Kiều Nhiên	24/08/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C2	270	200	470
001900	Trần Thị Hồng Huỳnh Như	09/06/1995	Long An	KT13C2	110	145	255
001901	Bùi Văn Nông	09/01/1993	Quảng Bình	KT13C2			
001902	Võ Thị Thanh Nữ	10/10/1995	Bình Định	KT13C1	145	95	240
001903	Nguyễn Thành Tiến Phi	25/01/1992	Ninh Thuận	CN13C	170	195	365
001904	Nguyễn Hoài Phong	02/02/1995	Kiên Giang	HH13C	140	140	280
001905	Đặng Minh Phú	21/10/1995	Long An	CK13C1	160	125	285
001906	Nguyễn Xuân Phú	02/02/1994	Đắk Lắk	CK13C1	140	110	250
001907	Triệu Huỳnh Phú	13/03/1995	Bến Tre	HH13C	155	95	250
001908	Lê Văn Phúc	03/01/1992	Bình Phước	KT13C2	115	90	205
001909	Nguyễn Hữu Phước	01/05/1995	Đồng Tháp	HH13C	140	115	255
001910	Nguyễn Tuấn Phương	09/04/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13C	30	100	130
001911	Nguyễn Thị Phương	23/10/1994	Nghệ An	KT13C1	170	150	320
001912	Trương Minh Quân	16/10/1995	Tây Ninh	CN13C			
001913	Đình Hồng Quân	20/11/1995	Nghệ An	HH13C	150	160	310
001914	Nguyễn Lộc Quang	24/11/1995	Khánh Hòa	MT13C			
001915	Nguyễn Đức Quang	10/02/1993	Đắk Lắk	HH13C	115	115	230
001916	Phan Trọng Quý	22/08/1994	Đắk Lắk	HH13C	155	115	270

001917	Nguyễn Văn	Quyết	17/08/1994	Nam Định	CN13C	90	110	200
001918	Trịnh Ngọc	Quyết	23/04/1995	Thái Bình	MT13C			
001919	Nguyễn Công Nữ Trúc	Quỳnh	22/09/1995	Vĩnh Long	KT13C2			
001920	Lâm Y	Sa	23/02/1995	An Giang	KT13C2	200	135	335
001921	Cao Văn	Sang	20/08/1995	Bình Định	CN13C	120	130	250
001922	Phạm Văn	Sang	17/07/1994	Long An	HH13C	135	75	210
001923	Sỳ Công	Sáng	27/12/1993	Bình Thuận	HH13C	125	135	260
001924	Phạm Tấn	Son	22/11/1994	Bình Định	CK13C2	140	125	265
001925	Phạm Thái	Son	28/08/1995	Quảng Bình	CN13C	125	115	240
001926	Nguyễn Trọng	Sung	02/11/1993	Bình Định	HH13C	95	115	210

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 49 ( Ca 3, Phòng B203 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001927	Phạm Tiến Tài	10/02/1995	Đồng Nai	CN13C			
001928	Lê Thành Tài	01/09/1995	Đồng Nai	KT13C2	140	110	250
001929	Nguyễn Minh Tâm	20/10/1995	Tiền Giang	CK13C1			
001930	Nguyễn Tân	20/02/1994	Bình Thuận	KT13C2	210	125	335
001931	Nguyễn Sơn Thạch	25/12/1995	Đồng Nai	CK13C2			
001932	Hoàng Văn Thái	11/05/1995	Thanh Hóa	CN13C	145	125	270
001933	Hoàng Công Thắng	31/03/1995	Hung Yên	CK13C2	115	100	215
001934	Nguyễn Ngọc Thắng	25/12/1992	Phú Yên	KT13C2			
001935	Đặng Xuân Thanh	13/01/1995	Nghệ An	HH13C			
001936	Huỳnh Văn Thành	21/07/1995	Quảng Nam	CN13C	110	115	225
001937	Nguyễn Tấn Thành	20/09/1994	Bình Thuận	HH13C			
001938	Nguyễn Công Thành	10/02/1995	Quảng Bình	KT13C1	85	90	175
001939	Hoàng Quốc Thành	19/08/1995	Đồng Nai	MT13C			
001940	Nguyễn Hữu Thảo	28/12/1995	Bình Định	KT13C1	165	70	235
001941	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	08/08/1995	Bình Phước	KT13C1	195	125	320
001942	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/04/1995	Nghệ An	KT13C2	165	90	255
001943	Nguyễn Mạnh Thế	23/08/1995	Quảng Bình	HH13C	90	120	210
001944	Thái Thanh Thiết	01/01/1995	Đồng Tháp	MT13C	120	90	210
001945	Nguyễn Tiến Thịnh	03/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13C2	160	95	255
001946	Đỗ Đức Thịnh	10/08/1995	Hải Phòng	HH13C	135	45	180
001947	Nguyễn Hữu Thịnh	26/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13C	180	145	325
001948	Cao Xuân Thịnh	13/07/1994	Nghệ An	KT13C2	135	50	185
001949	Đặng Thị Anh Thư	19/06/1995	Tiền Giang	KT13C1	125	115	240
001950	Lê Văn Thực	06/09/1994	Kon Tum	CK13C1	120	100	220
001951	Phạm Phú Thương	06/04/1995	Bình Định	CK13C1			
001952	Trần Quốc Thương	25/01/1994	Đắk Lắk	CK13C2	115	110	225
001953	Trương Thị Thúy	16/12/1995	Hà Tĩnh	KT13C1	135	155	290
001954	Đặng Minh Tiến	22/08/1995	Hải Dương	KT13C2	95	115	210
001955	Dương Văn Tình	19/05/1993	Bình Định	HH13C	145	95	240
001956	Lưu Đức Toán	06/01/1994	Gia Lai	CK13C1	160	115	275
001957	Nguyễn Duy Toàn	18/03/1995	Quảng Ngãi	CK13C1	120	135	255
001958	Nguyễn Quốc Toàn	19/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13C	125	110	235
001959	Trịnh Văn Tông	03/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13C	185	155	340

001960	Phạm Nguyễn Bảo	Trâm	10/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13C	190	140	330
001961	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	07/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1	140	120	260
001962	Trương Nữ Thảo	Trâm	20/03/1995	Ninh Thuận	KT13C1	135	150	285
001963	Lương Đình Bảo	Trâm	02/10/1993	Ninh Thuận	KT13C2	135	135	270
001964	Nguyễn Thị Thiên	Trang	01/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C2	150	110	260
001965	Hoàng Minh	Trí	30/08/1994	Bình Thuận	HH13C	125	60	185
001966	Trần Văn	Trí	20/03/1995	Bình Định	MT13C	135	120	255
001967	Hoàng Nguyễn Long	Triều	19/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13C	280	220	500
001968	Nguyễn Thị Phương	Trình	25/03/1995	Đồng Nai	KT13C2	165	175	340
001969	Nguyễn Lê Hải	Trọng	02/01/1995	Lâm Đồng	CK13C1	190	125	315



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 50 ( Ca 3, Phòng B201 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001970	Bùi Đình Trọng	29/12/1995	Thái Bình	HH13C	120	145	265
001971	Ngô Minh Trung	01/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	HH13C	245	95	340
001972	Lê Văn Trường	20/02/1992	Thanh Hóa	KT13C2			
001973	Võ Văn Trường	06/01/1995	Phú Yên	CN13C			
001974	Phạm Minh Tú	16/09/1995	Cần Thơ	CN13C	115	175	290
001975	Nguyễn Văn Tú	05/05/1995	Thái Bình	KT13C2	135	130	265
001976	Nguyễn Quang Tú	15/07/1993	Bình Dương	HH13C	120	135	255
001977	Đình Minh Tuấn	22/06/1994	Lâm Đồng	CK13C1			
001978	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	30/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13C	125	115	240
001979	Trần Đình Tuấn	19/03/1993	Bình Phước	CN13C	95	120	215
001980	Nguyễn Minh Tuấn	10/09/1995	Thái Bình	KT13C2	90	140	230
001981	Nguyễn Đăng Anh Tùng	23/05/1995	Thái Bình	CN13C	145	70	215
001982	Trần Mạnh Tường	18/10/1994	Hà nội (Hà tây cũ)	KT13C1	140	175	315
001983	Lê Thanh Tường	21/03/1993	Nam Định	HH13C	120	110	230
001984	Vũ Văn Tuyển	05/04/1994	Nam Định	CK13C1	145	125	270
001985	Nguyễn Ngọc Tuyển	06/06/1982	Nghệ An	KT13C2			
001986	Đặng Ngọc Thanh Tuyển	02/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13C2	165	180	345
001987	Đặng Thị Tuyển	12/10/1994	Bình Định	KT13C2	165	155	320
001988	Nguyễn Hiền Tuyết	17/04/1993	Sóc Trăng	CK13C2	120	100	220
001989	Võ Thị Hồng Vi	04/09/1995	Quảng Ngãi	KT13C2	160	130	290
001990	Nguyễn Duy Viễn	18/11/1995	Quảng Ngãi	HH13C			
001991	Nguyễn Hoàng Việt	11/01/1995	Đồng Nai	CN13C	185	160	345
001992	Đặng Thế Vinh	24/12/1995	Thái Bình	HH13C	200	145	345
001993	Lưu Thanh Vũ	16/06/1995	Kon Tum	CK13C2	100	95	195
001994	Nguyễn Đình Vũ	30/09/1995	Kon Tum	CK13C2	125	100	225
001995	Phạm Trần Hoàng Vũ	02/12/1995	Kiên Giang	CK13C2	135	135	270
001996	Lê Văn Vũ	19/09/1994	Thanh Hóa	CN13C	115	135	250
001997	Đặng Khắc Vũ	24/10/1991	Bình Định	KT13C2			
001998	Nguyễn Quốc Vương	16/05/1994	Ninh Thuận	CN13C	225	175	400
001999	Nguyễn Đăng Minh Vương	20/02/1994	Bình Định	HH13C			
002000	Phan Ngọc Thịnh Vương	06/11/1995	Quảng Ngãi	CN13C			
002001	Phạm Thị Thu Xoan	08/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13C1	160	125	285
002002	Trần Văn Yên	09/05/1995	Quảng Nam	CK13C2	145	115	260

002003	Nguyễn Thị Kim	Yến	28/06/1995	Vĩnh Long	KT13C1	150	175	325
002004	Phạm Huỳnh Ngọc	Yến	06/05/1995	Tiền Giang	KT13C2	165	195	360
002005	Nguyễn Hữu	Khánh	18/10/1993	Hà Tĩnh	HH12C	145	125	270
002006	Hồ Trọng	Lực	22/07/1993	Phú Yên	CN11	210	120	330
002007	Nguyễn Hoàng	Minh	11/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	QL12	250	295	545
002008	Hứa Duy	Triết	17/07/1993	Kiên Giang	QL12	200	205	405
002009	Lê Minh	Xuân	16/03/1991	Tây Ninh	LT13	200	130	330
002010	Dương Trường	Phước	08/05/1995	Bến Tre	CK13A	225	125	350
002011	Ngô Thị Như	Sương	7/4/1995	Bình Định		150	365	515
002012	Nguyễn Xuân	Tạo	28/05/1992	Bình Thuận	HH12C	170	95	265

